

hàng chục triệu đồng cho việc duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp đường trục của huyện, của xã, đường liên xã, liên thôn nhằm phát huy tác dụng các phương tiện vận tải thô sơ, phục vụ sản xuất và đời sống. Các hợp tác xã vận tải chuyên nghiệp được chú trọng củng cố như hợp tác xã Thống Nhất và Vạn Giang, thành lập thêm hợp tác xã Trung Thành, tăng thêm năng lực vận tải đường dài vận chuyển vật tư hàng hoá trong và ngoài huyện, đưa năng lực vận tải của huyện từ 258 tấn năm 1981, lên 516 tấn năm 1985.

Đối với các ngành xây dựng cơ bản đã đầu tư 12,1 triệu đồng cho các công trình quan trọng như cơ sở hạ tầng và thủy lợi, trong đó dành cho các công trình thủy lợi là 9,8 triệu đồng. Hoàn thiện và đưa vào sử dụng trạm bơm điện Mạc Hạ (xã Công Lý), trạm bơm điện Hồng Lý (xã Chân Lý), cùng nhiều công trình mương, máng tưới, tiêu được sửa chữa, cải tạo hỗ trợ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 23-6-1980 của Bộ Chính trị về cải tiến công tác phân phối lưu thông, công tác xuất, nhập khẩu phân phối lưu thông của huyện có bước chuyển biến. Huyện đã tập trung sự lãnh đạo vào việc tìm kiếm, khai thác các tiềm năng thế mạnh, đầu tư cho thu mua các mặt hàng đặc sản như hạt sen, long nhãn... Liên kết mở rộng xuất khẩu các mặt hàng thủ công, do có nguồn nguyên

liệu tại chỗ như thảm đay, thảm bẹ ngô, mây tre đan, cho nên mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng kết quả vẫn đạt tương đối khá. Tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu ngày càng tăng từ 7.700.000 đồng năm 1981 lên 9.120.000 đồng năm 1985. Từ nguồn xuất khẩu, chúng ta đã có ngoại tệ nhập vật tư, hàng hoá về phục vụ sản xuất và đời sống. Chỉ tính riêng năm 1985 đã nhập về 1.000 tấn đạm Urê, 450 tấn phân lân, 20 tấn sắt thép, 80.000 m vải trị giá 2.900.000 đồng. Các ngành thương nghiệp, vật tư, hợp tác xã mua bán, đã chủ động nắm nguồn hàng địa phương, hàng cấp 2, hàng liên kết và quản lý phân phối lưu thông hàng hoá trên địa bàn được kịp thời. Tổng giá trị hàng hoá hàng năm đạt bình quân 26.593.000 đồng, trong đó hàng nhập tăng 616%, hàng tự kinh doanh tăng 385%. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 (khoá V) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về giá - lương - tiền được triển khai toàn diện, đồng bộ trong việc quản lý hàng, thu tiền vào ngân sách huyện, mạng lưới dịch vụ có mặt được mở rộng. Công tác quản lý thị trường được tiến hành thường xuyên và có tiến bộ.

Các ngành tài chính, ngân hàng đã có nhiều cố gắng trong việc khai thác các nguồn thu, xây dựng ngân sách huyện, xã và tăng thu ngân sách Nhà nước, đảm bảo được các yêu cầu chi cần thiết, có thêm vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất như trường học, bệnh viện, trạm y tế

xã... Tổng thu ngân sách địa phương 3 năm 1983 - 1985, tăng 362% so với các năm 1980 - 1982.

Phong trào gửi tiền tiết kiệm trong nhân dân được đẩy lên một bước, là một trong những huyện khá của tỉnh. Bình quân số dư tiết kiệm từ 15,3 đồng/người năm 1982 lên 44 đồng/người vào năm 1985. Nhiều năm liền, xã Nhân Bình luôn giữ vị trí lá cờ đầu, xã Nhân Hưng là đơn vị xuất sắc trong phong trào gửi tiền tiết kiệm. Đồng thời đã thực hiện tương đối tốt việc quản lý quỹ tín dụng và tiền gửi ngân hàng, tăng được nguồn vốn cho vay phục vụ sản xuất, góp phần giải quyết yêu cầu cân đối tài chính, tiền tệ ngay từ cơ sở.

Trong điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn nhưng nhận rõ trách nhiệm đóng góp sức người, sức của vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Các đợt tuyển quân hàng năm đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch trên giao, chất lượng tân binh đảm bảo về số lượng và chất lượng, thanh niên hăng hái lên đường thực hiện nghĩa vụ thiêng liêng đối với Tổ quốc. Đồng thời đáp ứng yêu cầu cung cấp nhân lực cho các công, nông, lâm trường, xí nghiệp và tổ chức đưa tiễn hơn 8.000 nhân khẩu đi xây dựng các vùng kinh tế mới ở các tỉnh phía Bắc, phía Nam và Tây Nguyên. Trong 5 năm, đều hoàn thành nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước, có mặt tăng hơn trước. Năm 1981 tổng mức huy động lương thực đóng góp là 4.890 tấn,

các năm; từ 1982 - 1985 bình quân huy động 5.760 tấn/năm, bình quân thịt lợn hơi bán cho Nhà nước là 815 tấn, tăng 18% so với các năm từ 1979 - 1982. Đay quy bẹ, năm 1981 là 1.700 tấn, năm 1985 lên 2.427 tấn; kén tầm 24 tấn; lạc 49 tấn; mía cây vào nhà máy năm cao nhất đạt 29.000 tấn. Đời sống nhân dân được cải thiện một bước. Việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, động viên kịp thời nhân dân tích cực đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế tập thể kết hợp với tăng gia sản xuất, phát triển kinh tế hộ gia đình, phát động tinh thần đoàn kết tương trợ lẫn nhau mỗi khi giáp hạt. Thực hiện tốt chế độ chính sách, đảm bảo ổn định về vật chất, vui vẻ về tinh thần đối với những gia đình có công với cách mạng, gia đình liệt sỹ, thương binh, cán bộ hưu, mất sức... Nhằm góp phần ổn định cuộc sống và hoà nhập cộng đồng của các đối tượng chính sách.

Tuy nhiên, so với tiềm năng, thế mạnh sẵn có của địa phương, kinh tế của huyện nhà trong thời gian này vẫn phát triển chậm, biểu hiện trên nhiều mặt đó là: Sản xuất nông nghiệp chưa đồng đều, thiếu toàn diện, thiếu vững chắc, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giảm sút, quản lý kinh tế còn nhiều yếu kém. Trong đó, tốc độ phát triển kinh tế nông nghiệp chậm, cây lương thực giảm sút nghiêm trọng (48,3%), nhiều nơi cây vụ đông không phát triển và chững lại. Trình độ thâm canh, tăng năng suất các loại cây, nhất là cây lúa chuyển biến

chưa đồng đều, chênh lệch giữa các cơ sở và từng vùng còn quá lớn. Một số cơ sở trọng điểm lúa như hợp tác xã Nhân Hưng, Chung Lý, Nhân Mỹ, Minh Đức, Nhân Đạo, Nhân Thắng chỉ đạt từ 30 - 44 tạ thóc/ha/năm. Trong khi hợp tác xã Nhân Khang, Tân Lý vẫn đạt từ 80 - 90 tạ/ha/năm.

Trồng trọt tuy có nhiều mặt tăng hơn trước nhưng từng ngành sản xuất vẫn có mặt chưa toàn diện và không đồng đều, diện tích mía và màu giảm sút nghiêm trọng cả về diện tích và sản lượng. Đàn lợn và đàn bò tăng lên nhưng đàn vịt giảm tới 50% số lượng. Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp cũng giảm nhiều, riêng thảm đay giảm 37%.

Những tồn tại trên, một phần do thiên tai ác liệt, một phần do cấp ủy, chính quyền chưa có biện pháp kịp thời, chủ động đối phó với thiên tai, sâu bệnh. Có vụ, có nơi để nước ngoài lai tràn vào đồng gây thiệt hại nghiêm trọng về sản lượng.

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm, một số ngành nghề thủ công truyền thống không được phát huy. Chưa tận dụng hết những nguồn nguyên liệu sẵn có ở địa phương cho sản xuất. Các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp sản xuất sút kém, quản lý yếu, làm ăn thua lỗ, thu nhập của xã viên thấp. Chưa sử dụng hết tiềm năng lao động tiểu thủ công nghiệp sẵn có và lao động dư thừa trong nông nghiệp. Tiềm năng đất đai chưa được khai

thác đúng mức và quản lý chặt chẽ. Đầu tư thâm canh cho vùng trọng điểm lúa chưa thích đáng như thủy lợi, phân bón, vật tư... ảnh hưởng đến năng suất cây trồng.

Về quan hệ sản xuất tuy được duy trì, nhưng công tác quản lý nhiều khâu bị buông lỏng. Vẫn còn tình trạng khoán trắng trong một số khâu, ruộng đất nhiều nơi bị lán chiếm, sử dụng sai chính sách, có nơi nghiêm trọng, lãng phí đất đai và lao động, vật tư mất mát hao hư nhiều. Việc ứng dụng những tiến bộ khoa học trong thâm canh (nước - phân - giống) không đồng bộ. Việc quản lý tài vụ chưa tốt, nhiều cơ sở chi tiêu tùy tiện vi phạm chế độ nguyên tắc. Nhiều nơi tình trạng khô đọng sản phẩm, nợ nần dây dưa ngày một tăng, chỉ tính 32/36 hợp tác xã số nợ đã lên tới 2.000 tấn thóc. Công tác phân phối sản phẩm trong các hợp tác xã nông nghiệp chưa đảm bảo công bằng, công khai, dân chủ. Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở một số nơi chưa được tôn trọng và phát huy đúng mức, một số hợp tác xã bắt đầu bỏ các đội chuyên như: chuyên giống, làm đất, bảo vệ thực vật...

Trên mặt trận phân phối lưu thông, mặc dù có nhiều cố gắng so với thời kỳ trước, nhưng vẫn còn một số tồn tại, yếu kém: Thương nghiệp chưa chiếm lĩnh được thị trường, mạng lưới hợp tác xã mua bán hoạt động yếu, vốn lưu động thiếu, hàng hoá ít, có nơi để tư thương lợi dụng danh nghĩa tập thể lũng đoạn thị trường, làm cho

giá cả thị trường không ổn định. Phân phối hàng hoá chưa thật công bằng, hợp lý, một số cán bộ thương nghiệp lợi dụng, cửa quyền, móc ngoặc đưa hàng hoá của Nhà nước ra ngoài thị trường làm ảnh hưởng đến giá cả và lòng tin của quần chúng đối với Đảng và Nhà nước. Công tác tư tưởng và tổ chức trong ngành phân phối lưu thông chuyển biến chưa kịp với tình hình và nhiệm vụ mới. Chưa cương quyết kịp thời đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực. Mạng lưới dịch vụ chưa được mở rộng, kể cả thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán. Công tác quản lý thị trường còn lỏng lẻo...

Việc khai thác hàng hoá xuất khẩu còn nhiều hạn chế, nhiều mặt hàng xuất khẩu bằng nguyên liệu thô chưa qua chế biến. Tỷ lệ giữa xuất và nhập khẩu chưa cân đối, nhất là nhập các loại vật tư chiến lược phục vụ sản xuất. Tình trạng hư hao, tổn thất hàng hoá xảy ra ở nhiều nơi. Trong công tác xuất, nhập khẩu còn phiền hà, chất lượng hàng hoá không bảo đảm tiêu chuẩn.

Những thiếu sót, hạn chế trong lĩnh vực kinh tế đã được Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nghiêm túc kiểm điểm, làm rõ nguyên nhân khách quan và chủ quan, đồng thời đề ra biện pháp khắc phục.

Mặc dù vẫn phải đối mặt với những khó khăn về kinh tế, nhưng sự nghiệp giáo dục cũng như các lĩnh vực văn hoá - xã hội tiếp tục được Huyện uỷ quan tâm duy trì ổn định và có mặt phát triển. Đã thường xuyên

quán triệt mục tiêu, nguyên lý, phương châm giáo dục của Đảng. Cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư xây dựng. Các trường phổ thông trong huyện đã căn bản hoàn thành ngói hoá đảm bảo nhu cầu học tập cho học sinh các cấp học: năm học 1985 - 1986 có 29 trường PTCS bằng 782 lớp với 29.360 học sinh; 2 trường PTTH bằng 45 lớp với 2.350 học sinh; huy động 6.041 cháu đến nhà trẻ, chiếm 95% trẻ dưới 5 tuổi.

Được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ty Giáo dục, từ năm 1981 huyện đã đầu tư xây dựng thêm trường PTTH Bắc Lý, đặt tại thôn Nội xã Bảo Lý (nay là xã Bắc Lý) cùng với 2 trường PTTH Lý Nhân và Nam Lý đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trong huyện. Thực hiện chương trình cải cách giáo dục của Bộ Giáo dục, chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học được nâng lên. Việc đưa lao động hướng nghiệp vào trong các trường PTTH đã và đang đi vào nền nếp. Tỷ lệ tốt nghiệp cuối cấp ngày một cao. Trường cấp II Bắc Lý vẫn xứng đáng là lá cờ đầu của ngành giáo dục cả nước, ngày càng phát huy cao độ chất lượng dạy và học. Đóng góp nhiều kinh nghiệm về giảng dạy và học tập cho sự nghiệp giáo dục của cả nước. Với những đóng góp cho sự nghiệp giáo dục, ngày 02-10-1985, trường cấp II Bắc Lý vinh dự được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động. Thi đua với Bắc Lý nhiều trường trong huyện vẫn phát động và duy trì phong trào thi đua “Hai tốt”. Ngành học mầm non vẫn được duy trì



trong việc huy động các nhóm trẻ ra lớp, đội ngũ giáo viên ngày càng được tăng cường, trình độ chuyên môn thường xuyên được bồi dưỡng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Quán triệt đường lối: “Y học dự phòng”, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền dân tộc, công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân không ngừng được tăng cường cả về phòng bệnh và chữa bệnh. Đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo 5 mục tiêu và 5 dứt điểm do ngành y tế phát động. Hệ thống trạm y tế xã được củng cố, nâng cấp và xây mới. Năm 1983 đã tiến hành xây dựng và năm 1985 đưa vào sử dụng Phòng khám đa khoa Cầu Khôn đáp ứng nhu cầu khám và chữa bệnh của nhân dân. Đội ngũ cán bộ y tế tận tụy với nghề, thực hiện tốt 12 điều y đức đối với người thầy thuốc. Phong trào trồng và chế biến cây thuốc nam vẫn được duy trì ở nhiều trạm y tế, góp phần vào điều trị một số bệnh thông thường cho nhân dân.

Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, do đó công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình có chuyển biến, tiến bộ, đã hạ tỷ lệ sinh từ 3% năm 1982 xuống còn 2,06% năm 1985, với mục tiêu phấn đấu xây dựng mô hình gia đình ít con, khoẻ mạnh và hạnh phúc.

Lĩnh vực văn hoá - thông tin đã phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương. Phong trào văn hoá, văn

nghệ quần chúng được quan tâm, chú ý đến hoạt động cả bề nổi và chiều sâu. Tổ chức được nhiều hoạt động văn hoá - văn nghệ nhân dịp các ngày lễ lớn của dân tộc, với nội dung và hình thức rất phong phú, thu hút được đông đảo nhân dân tham gia. Năm 1985 có 18 đội thông tin cổ động, 7 đội múa sư tử, 19 đài truyền thanh, 17 đội văn nghệ, 6 nhóm ca khúc với 315 diễn viên, nhạc công, sáng tác hàng trăm tiết mục. Phong trào thể dục - thể thao được duy trì trong lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng thanh niên, học sinh với khẩu hiệu: “Khỏe để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Đại hội Thể dục - Thể thao lần thứ nhất của huyện tổ chức thành công, tạo nên phong trào luyện tập thể dục - thể thao từ huyện đến cơ sở, được các ngành, các giới từ các cụ già đến các cháu học sinh hăng hái tham gia. Hệ thống truyền thanh của huyện ngày càng được củng cố, góp phần tích cực vào việc đưa tiếng nói của Đảng đến với quần chúng nhân dân khắp các lũy tre xanh. Quốc doanh chiếu bóng và quốc doanh phát hành sách đã thực hiện tốt phương châm vừa kinh doanh, vừa phục vụ, chuyển dần ra khỏi cơ chế bao cấp. Cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá mới được đẩy mạnh, tích cực bài trừ các hủ tục mê tín dị đoan, hỗ trợ đặc lực vào việc xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Kết quả bình xét năm 1985 có 7.759 gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá mới/13.525 gia đình đăng ký, chiếm 21% tổng số hộ trong toàn huyện.

Công tác quốc phòng, an ninh được giữ vững và tăng cường. Huyện uỷ đã thường xuyên coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức về hai nhiệm vụ chiến lược trong tình hình mới, về đường lối chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân, từ đó nâng cao cảnh giác cách mạng, sẵn sàng làm thất bại âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù. Đã động viên toàn dân tích cực tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, từng bước bổ sung, kiện toàn phương án tác chiến, phương án phòng thủ địa phương, tạo điều kiện để các lực lượng vũ trang phát huy tác dụng nòng cốt, xung kích trong lao động, sản xuất, giữ gìn sự bình yên trong xã hội. Công tác an ninh, chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội ổn định. Lực lượng Công an từ huyện đến xã được kiện toàn, củng cố và từng bước nâng cao chất lượng hoạt động theo yêu cầu của cuộc vận động “Xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh”. Các ngành trong khối nội chính đã chủ động kết hợp trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Tiếp tục triển khai thực hiện theo Thông báo số 74-TB/TW và Chỉ thị số 79-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá V) về công tác tự phê bình và phê bình trong Đảng, công tác xây dựng Đảng được triển khai tương đối toàn diện cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu bảo đảm thực hiện thắng lợi các chủ

trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng cũng như nhiệm vụ kinh tế, chính trị của địa phương. Đảng bộ đã thường xuyên coi trọng lãnh đạo làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, đã tiến hành nhiều đợt sinh hoạt chính trị quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương (khoá V) một cách thiết thực, hiệu quả. Cuộc vận động xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh gắn với việc xây dựng, tăng cường cấp huyện và cơ sở được triển khai thực hiện ngày càng sâu rộng, nên đã có chuyển biến mới trong công tác xây dựng Đảng. Từ năm 1982 đến năm 1986, Huyện uỷ đã phái các đồng chí huyện uỷ viên xuống trực tiếp làm bí thư cấp uỷ một số xã yếu nhằm tháo gỡ khó khăn, ổn định tình hình và phát triển kinh tế - xã hội. Nhờ đó, tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh tăng từ 10 đảng bộ, chi bộ năm 1983 lên 21 đảng bộ, chi bộ năm 1985, chiếm 33% tổng số tổ chức cơ sở đảng trong huyện (trong đó có 13 đảng bộ, chi bộ khối cơ quan, xí nghiệp). Đi đôi với cuộc vận động xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh, bộ máy lãnh đạo của Đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể từ huyện đến cơ sở được củng cố, kiện toàn.

Việc bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên được coi trọng. Đảng bộ đã thường xuyên rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ. Từ năm 1982 đến năm 1985, đã mở 25 lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp

vụ, chính trị, quản lý cho 1.391 cán bộ, đảng viên, lựa chọn 145 cấp uỷ viên cơ sở đưa đi đào tạo chương trình trung cấp lý luận. Cho nên trình độ chính trị và khoa học - kỹ thuật được nâng lên. Đến năm 1985, đã có 47% số cán bộ cấp uỷ cơ sở có trình độ sơ cấp, 15,5% có trình độ trung cấp lý luận và 20,2% có trình độ trung cấp, 8% có trình độ đại học về chuyên môn nghiệp vụ, khoa học - kỹ thuật. Trong công tác cán bộ, nhiều cấp uỷ cơ sở đã quan tâm đến lực lượng cán bộ kế cận theo hướng trẻ hoá đội ngũ. Tuổi đời bình quân hạ từ 45 tuổi xuống 43 tuổi, một số đảng bộ cơ sở có tuổi đời bình quân từ 37 - 38 tuổi.

Thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá V) về công tác kiểm tra Đảng. Huyện uỷ đã chỉ đạo cho các cấp uỷ cơ sở tiến hành kiểm điểm việc thực hiện chế độ lãnh đạo có kiểm tra và tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng nhằm phát huy nhân tố tích cực, phát hiện những biểu hiện tiêu cực của cán bộ, đảng viên vi phạm để xem xét, kết luận. Đã tiến hành xử lý 220 cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật, trong đó có 6 trường hợp trưởng, phó ban, ngành; 36 trường hợp là đảng uỷ viên của các đảng bộ cơ sở. Khai trừ và đưa ra khỏi Đảng 125 trường hợp. Cùng với việc xem xét, xử lý kỷ luật, đã giải quyết kịp thời mọi đơn thư, tố cáo của đảng viên. Qua đó đã nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực lãnh đạo của cấp uỷ thúc đẩy việc thực hiện